

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 691/2020/HC-PT
Ngày: 22-7-2020
V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Thụy X Vinh
Ông Tôn Văn T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLPT-
HC ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm
2019 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2542/2020/QĐXXST-HC ngày 18
tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 6074/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng
6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6887/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 7
năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Phùng Văn L, sinh năm: 1962; Địa chỉ: 73/1 Khu phố 1, thị trấn
M, huyện M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của ông Phùng Văn L: Bà Nguyễn Trần Chiêu D,
sinh năm: 1973; Địa chỉ: 112/4A ấp Tam Đông, xã T, huyện M, Thành phố H là

người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số công cH 0005593 ngày 17/9/2010).

1.2 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967; Địa chỉ: 63/5 Khu phố 1, thị trấn M, huyện M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Bà Nguyễn Trần Chiêu D, sinh năm: 1973; Địa chỉ: 112/4A ấp Tam Đông, xã T, huyện M, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số công cH 005786 ngày 30/5/2020).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện M, TP H.

Địa chỉ: 01 Lý Nam Đế, thị trấn M, huyện M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Thanh H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2830/UBND ngày 01/7/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện M: Ông Phan Hiếu S – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện M, Thành phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Phùng Chí T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 63/5C Khu phố 1, thị trấn M, huyện M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Chí T: Ông Phùng Văn K, sinh năm: 1959; Địa chỉ: 63/5C Khu phố 1, thị trấn M, huyện M, Thành phố H (Giấy ủy quyền số công cH 017243 ngày 08/11/2018)

3.2 Ông Lâm Sùng H, sinh năm 1949; Địa chỉ: 63/5 Khu phố 1, thị trấn M, huyện M, Thành phố H.

3.3 Bà Dương Ngọc X, sinh năm 1964; Địa chỉ: 73/1 Khu phố 1, thị trấn M, huyện M, Thành phố H.

3.4 Bà Ngô Mỹ N, sinh năm 1983; Địa chỉ: 63/5C Khu phố 1, thị trấn M, huyện M, Thành phố H.

Các đương sự: Bà Nguyễn Trần Chiêu D có mặt. Ông Đỗ Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phùng Văn K, ông Lâm Sùng H, bà Dương Ngọc X, bà Ngô Mỹ N vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện M, ông Phan Hiếu S có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện – Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H có bà Nguyễn Trần Chiêu C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phần đất có diện tích 10.855m² là tài sản của ông Phùng Văn K và bà Phạm Thị B. Ông K đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy CH nhận quyền sử dụng đất số 01612/QSDD ngày 14/01/1994.

Năm 2003, ông Phùng Văn K chết, bà Phạm Thị B cùng 2 người con là ông Phùng Văn K và ông Phùng Văn L làm thủ tục kê khai di sản thừa kế, được cập nhật biến động và bà B chuyển nhượng cho ông Phùng Văn L, ông Phùng Chí T (con ruột ông Phùng Văn K), có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X Thới Thượng, huyện M ngày 29/3/2007. Sau đó, ông Phùng Văn L và ông Phùng Chí T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/2007. Ngày 01/10/2009 ông Phùng Chí T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X Thới Thượng, huyện M và đã được Ủy ban nhân dân huyện M đăng bộ ngày 19/10/2009.

Ngày 07/6/2010, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy 02 Giấy CH nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 26/6/2007 cho ông Phùng Văn L là Giấy CH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02210 phần đất diện tích 2384,3m² thuộc thửa 02 tờ bản đồ số 12, Giấy CH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02211 phần đất diện tích 1908,4m² thuộc thửa 98 tờ bản đồ số 10, tại xã X Thới Thượng và thu hồi, hủy Giấy CH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02209 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 26/6/2007 cho ông Phùng Chí T phần đất diện tích 6690,6m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 9, xã X Thới Thượng, đã cập nhật biến động cho bà Nguyễn Thị H ngày 19/10/2009. Lý do thu hồi do việc phân chia thừa kế không đủ các đồng thừa kế của hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị B với ông Phùng Văn L, ông Phùng Chí T và sau đó ông Phùng Chí T tiếp tục chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H là hợp pháp. Cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy CH nhận quyền sử dụng đất cho người nhận chuyển nhượng, nên hợp đồng chuyển nhượng đã phát sinh hiệu lực. Việc phân chia di sản thừa kế không đúng

pháp luật của bà Phạm Thị B không liên quan đến phần tài sản ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng hợp pháp. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H.

Từ nội dung trên, ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M.

** Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M trình bày:*

Ông Phùng Văn K và bà Phạm Thị B có tạo lập được một phần đất có diện tích hơn 10.825m² theo Giấy cH nhận quyền sử dụng đất số 01612/QSĐĐ tại xã X Thới Thượng, huyện M. Năm 2003 ông Phùng Văn K chết, bà Phạm Thị B cùng 02 người con là ông Phùng Văn K và ông Phùng Văn L đến ủy ban nhân dân thị trấn M xác nhận, lập Tờ tường trình quan hệ nhân thân ngày 02/10/2006 và Giấy cam đoan ngày 02/10/2006 có nội dung: Ông Phùng Văn K và bà Phạm Thị B chỉ có 02 người con là ông Phùng Văn K và ông Phùng Văn L.

Ủy ban nhân dân xã X Thới Thượng, huyện M ra thông báo niêm yết về việc thừa kế quyền sử dụng đất và bà Phạm Thị B đã nhận thừa kế phần đất từ ông Phùng Văn K. Sau khi được thừa kế quyền sử dụng đất, bà Phạm Thị B lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phùng Văn L và ông Phùng Chí T. Trên cơ sở đó, ngày 26/6/2007 Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Văn L số vào sổ H02210 phần đất diện tích 2384,3m² thuộc thửa 02 tờ bản đồ số 12 và H02211 phần đất diện tích 1908,4m² thuộc thửa 98 tờ bản đồ số 10, tại xã X Thới Thượng và Giấy cH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02209 cấp cho ông Phùng Chí T diện tích 6690,6m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 9, xã X Thới Thượng, huyện M. Sau đó, ngày 01/10/2009 ông Phùng Chí T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X Thới Thượng, huyện M.

Tuy nhiên, sau đó Ủy ban nhân dân huyện M nhận được đơn tố cáo của bà Phùng Thị K xác định ông Phùng Văn K và bà Phạm Thị B có 11 người con gồm: Phùng Văn K, Phùng Thị K, Phùng Văn Trừ, Phùng Văn T, Phùng Văn L, Phùng Thị H, Phùng Thị Đ, Phùng Thị Mỹ D, Phùng Thị Mỹ T, Phùng Thị Mỹ

L, Phùng Thị Kim TH, nhưng bà Phạm Thị B chỉ kê khai có 02 người con là ông Phùng Văn L và ông Phùng Văn K là không đúng. Từ đó, Ủy ban nhân dân huyện M đã ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02210 và H02211 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Phùng Văn L ngày 26/6/2007 và Giấy CH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02209 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Phùng Chí T ngày 26/6/2007.

Do việc ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M đúng quy định của pháp luật, nên Ủy ban nhân dân huyện M giữ nguyên quyết định đã ban hành và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H.

** Ông Phùng Văn K - đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Chí T trình bày:*

Việc bà Phạm Thị B chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phùng Chí T và sau đó ông Phùng Chí T chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị H là hợp pháp. Cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy CH nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Chí T, nên hợp đồng chuyển nhượng đã phát sinh hiệu lực. Việc phân chia di sản thừa kế không đúng pháp luật của bà Phạm Thị B không liên quan đến phần tài sản của ông Phùng Chí T nhận chuyển nhượng hợp pháp. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Phùng Chí T và bà Nguyễn Thị H. Từ nội dung trên, ông Phùng Văn K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M xem xét nội dung Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 Ủy ban nhân dân huyện M theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Sùng H trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H. Ông thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà H, không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Ngọc X trình bày:

Bà là vợ của ông Phùng Văn L. Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông L, không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Mỹ N trình bày:

Bà là vợ của ông Phùng Chí T. Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông T, không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên xử:

Không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M, Thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, lệ phí ủy thác tư pháp và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27/11/2019, Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 Ủy ban nhân dân huyện M.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

* Người khởi kiện: Ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H có bà Nguyễn Trần Chiêu D là người đại diện hợp pháp trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng quy định pháp luật hiện hành để giải quyết vụ án. Cụ thể, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nêu rõ việc Nhà nước không thu hồi giấy CH nhận cấp trái pháp luật nếu đã chuyển đổi, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất. Do ông L, bà H đã chuyển nhượng đúng quy định của pháp luật nên việc thu hồi các giấy CH nhận của người khởi kiện đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của họ. Vì vậy, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 Ủy ban nhân dân huyện M.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M có ông Phan Hiếu Strình bày:* Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:*

Về hình thức: Tòa án nhân dân Thành phố H đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính trong quá trình thụ lý và xét xử tại phiên tòa. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình do Luật tổ tụng hành chính quy định.

Về nội dung: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị H yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở để chấp nhận nên căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Đỗ Thanh H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, Thành phố H là người đại diện hợp pháp của Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phùng Chí T có ông Phùng Văn K là người đại diện theo ủy quyền, ông Lâm Sùng H, bà Dương Ngọc X, bà Ngô Mỹ N vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Ngày 07/6/2010, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy giấy CH nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phùng Văn L, ông Phùng Chí T. Ngày 17/11/2010 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2061/QĐ-UBND và Quyết định số 2062/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H. Ngày 04/7/2011, ông Phùng Văn L, bà Nguyễn Thị H, khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010.

Do Người khởi kiện khai thời gian nhận được Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 là sau 1 tháng kể từ ngày ban hành quyết định và đã làm đơn khiếu nại quyết định trên nhưng không nhận được quyết định trả lời khiếu nại, đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện không cung cấp tài liệu nào thể hiện ngày người khởi kiện nhận được Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010. Do đó, Tòa án nhân dân huyện M căn cứ

Điều 29, Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xác định Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 là quyết định hành chính bị kiện, đơn khởi kiện của ông L, bà H còn thời hiệu, Tòa án nhân dân huyện M tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và tiếp tục giải quyết vụ kiện sau ngày Luật Tổ tụng hành chính 2015 có hiệu lực là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về việc nhập vụ án: Xét thấy, Hồ sơ hành chính sơ thẩm số 25/2012/TLST-HC ngày 21/12/2012 về Khiếu kiện Quyết định thu hồi giấy CH nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M giữa Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H với Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M và Hồ sơ hành chính sơ thẩm số 04/2011/TLST-HC ngày 16/11/2011 về Khiếu kiện Quyết định thu hồi giấy CH nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M giữa Người khởi kiện ông Phùng Văn L với Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M do hai người khởi kiện đối với cùng một quyết định hành chính là Quyết định số 988/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện M, do đó, Tòa án nhân dân huyện M nhập hai vụ án hành chính trên thành một vụ án là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Về hình thức đơn kháng cáo: Căn cứ Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015 Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[5] Về nội dung kháng cáo, bà Nguyễn Thị H yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5.1] Về thẩm quyền ban hành hành quyết định:

Ngày 26/6/2007 Ủy ban nhân dân huyện M cấp 02 Giấy CH nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Văn L số vào sổ H02210 và H02211 và cấp Giấy CH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02209 cho ông Phùng Chí T. Do Ủy ban nhân dân huyện M là cơ quan cấp các Giấy CH nhận trên nên Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 để thu hồi các

giấy CH nhận trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ.

[5.2] Về nội dung Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bên đương sự thì: Ông Phùng Văn K đứng tên trên Giấy CH nhận quyền sử dụng đất số 01612/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 14/01/1994.

Ông Phùng Văn K và bà Phạm Thị B có 11 người con gồm: Phùng Văn K, Phùng Thị K, Phùng Văn Tr, Phùng Văn T, Phùng Văn L, Phùng Thị H, Phùng Thị Đ, Phùng Thị Mỹ D, Phùng Thị Mỹ T, Phùng Thị Mỹ L, Phùng Thị Kim TH.

Năm 2003 ông Phùng Văn K chết, bà Phạm Thị B cùng 02 người con là ông Phùng Văn K và ông Phùng Văn L đến Ủy ban nhân dân thị trấn M xác nhận vào tờ tường trình quan hệ nhân thân và giấy cam đoan ngày 02/10/2006 thể hiện nội dung: Ông Phùng Văn K và bà Phạm Thị B có 02 người con là ông Phùng Văn K và ông Phùng Văn L. Trên cơ sở đó, bà Phạm Thị B đã nhận được thừa kế toàn bộ phần đất từ ông Phùng Văn K. Sau khi được thừa kế quyền sử dụng đất, bà Phạm Thị B lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phùng Văn L và ông Phùng Chí T. Ngày 26/6/2007 Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy CH nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Văn L số vào sổ H02210 phần đất diện tích 2384,3m² thuộc thửa 02 tờ bản đồ số 12 và H02211 phần đất diện tích 1908,4m² thuộc thửa 98 tờ bản đồ số 10, tại xã X Thới Thượng và Giấy CH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02209 cho ông Phùng Chí T diện tích 6690,6m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 9, xã X Thới Thượng. Sau đó, ngày 01/10/2009 ông Phùng Chí T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X Thới Thượng, huyện M.

Xét thấy, việc phân chia thừa kế quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị B, ông Phùng Văn L và ông Phùng Văn K là trái quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 do thiếu những người thừa kế theo pháp luật. Từ đó, Cơ quan có thẩm quyền cập nhật biến động toàn bộ chia di sản của ông Phùng Văn K cho bà Phạm Thị B là trái quy định tại khoản 3 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do bà Phạm Thị B không phải là chủ sở hữu hợp pháp của phần đất mà ông K để lại nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị B với ông Phùng Văn L và ông Phùng Chí T vô hiệu theo quy định tại Điều 127, Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005.

Theo quy định tại Điều 138, 258 Bộ luật dân sự năm 2005 thì dù bà Nguyễn Thị H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Phùng Chí T ngay tình nhưng giao dịch trên vẫn bị vô hiệu.

Theo Báo cáo số 136/BC-TTH ngày 21/4/2010 của Thanh tra huyện M thì việc cấp 02 Giấy cH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02210 và H02211 cho ông Phùng Văn L và Giấy cH nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02209 cho ông Phùng Chí T vào ngày 26/6/2007 là trái với quy định của pháp luật và kiến nghị thu hồi các giấy chứng nhận trên.

Do đã có kết luận của cơ quan thanh tra là Giấy cH nhận đã cấp trái với quy định của pháp luật nên Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 để thu hồi 02 Giấy cH nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Văn L ngày 26/6/2007 số vào sổ H02210 và H02211, và Giấy cH nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phùng Chí T ngày 26/6/2007 số vào sổ H02209 là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bà Nguyễn Thị H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng quy định pháp luật hiện hành để giải quyết vụ án. Cụ thể, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nêu rõ việc Nhà nước không thu hồi giấy cH nhận cấp trái pháp luật nếu đã chuyển đổi, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất. Xét thấy, Quyết định số 988/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện M được ban hành vào ngày 07/6/2010, trước thời điểm Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 có hiệu lực nên không chịu sự điều chỉnh của Nghị định này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M, Thành phố H được ban hành đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H về việc tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M là có căn cứ.

[6] Về việc đánh giá tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định hành chính có liên quan: Ngày 17/11/2010 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2061/QĐ-UBND và Quyết định số 2062/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H đối với Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M, căn cứ khoản 3 Điều 191, khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015 thì Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan. Trong vụ án này, cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2061/QĐ-UBND và Quyết định số 2062/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H là có thiếu sót. Tuy nhiên, xét thấy, Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M được ban hành đúng quy định pháp luật, Quyết định số 2061/QĐ-UBND và Quyết định số 2062/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H có nội dung giữ nguyên nội dung của Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện của người khởi kiện cũng xác định không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết đối với hai quyết định giải quyết khiếu nại trên. Do việc cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của hai quyết định giải quyết khiếu nại trên không làm ảnh hưởng đến tính đúng đắn của vụ án và cũng không trái với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[7] Như vậy kháng cáo của Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 Ủy ban nhân dân huyện M là không có cơ sở để chấp nhận.

Những nhận định liên quan đến phần chưa đúng về mặt tố tụng thì cấp sơ thẩm cần lưu ý và rút kinh nghiệm.

[8] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225, Điều 205, Điều 206, khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 29, Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010;

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số: 104/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ khoản 2 Điều 25 Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ;

Căn cứ Điều 127, Điều 128, Điều 138, 258, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676, khoản 3 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Bác kháng cáo của Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M như sau:

[1] Không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 07/6/2010 của Ủy ban nhân dân huyện M, Thành phố H.

[2] Về án phí, lệ phí:

Án phí hành chính sơ thẩm ông Phùng Văn L và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng. Ngày 16/11/2011, ông Phùng Văn L đã nộp tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo biên lai số AC/2010/09227, bà Nguyễn Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo biên lai số AC/2010/09228 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M được đối trừ.

Lệ phí ủy thác tư pháp bà Nguyễn Thị H phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng. Ngày 12/7/2016, bà Nguyễn Thị H đã nộp tiền lệ phí ủy thác tư pháp 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai số AD-15P 0002354 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H được đối trừ.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba

trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0074066 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Bà H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố H;
- Chi cục THADS huyện M;
- Tòa án nhân dân huyện M ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân